



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM SỨC KHỎE QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

An Tâm Sức Khỏe cung cấp cho khách hàng sự bảo vệ an toàn tài chính và tích lũy tài chính ổn định.

Một vài điểm nổi bật của An Tâm Sức Khỏe

- **Bảo vệ toàn diện**
 - Luôn được bảo vệ ngay cả khi ngừng đóng phí bảo hiểm (trong khi hợp đồng vẫn còn hiệu lực)
 - Được gia tăng quyền lợi bảo hiểm với các quyền lợi của sản phẩm bổ sung
- **Gia tăng quyền lợi tiết kiệm**
 - Được hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung
 - Giúp bạn gia tăng tài sản trong ngắn hạn cũng như dài hạn với mức tăng trưởng cam kết tối thiểu là 5 % trong 10 năm đầu của hợp đồng
 - Được hưởng khoản Thưởng duy trì hợp đồng sau mỗi 3 năm của hợp đồng
- **Và linh hoạt hơn bao giờ hết**
 - Sau 3 năm đầu tiên của hợp đồng, có thể đóng phí bất cứ lúc nào với số tiền bất kỳ từ 300.000 đồng trở lên
 - Được thay đổi Số tiền bảo hiểm bất cứ lúc nào
 - Được rút tiền mặt bất cứ lúc nào từ Giá trị tài khoản hợp đồng

An Tâm Sức Khỏe giúp quý khách làm chủ cuộc sống và thực hiện được ước mơ.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản SP để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

TRANG THÔNG TIN



Gắn bó dài lâu.

THÔNG TIN CÔNG TY DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Công ty TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh do BTC cấp số 14/GPĐC10/KDBH ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: 72 triệu đô-la Mỹ; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Dai-ichi Life, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-8) 3810 0888; Fax: (84-8) 3997 3000

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (1)	BÊN MUA BẢO HIỂM (2)	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM BỔ SUNG (3)
Họ và tên:	Đỗ Anh Việt	Đỗ Anh Việt	
Tuổi/Giới tính:	31 / Nam	31 / Nam	/
Số CMND/Nhóm nghề:	/ 1	/ 1	/
Địa chỉ liên hệ:			

THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được BH	Tuổi khi kết thúc HĐ	Thời hạn hợp đồng	Số tiền			Phí BH đóng thêm dự kiến(*)	Phí BH dự kiến (*)
				bảo hiểm ban đầu	Phí BH cơ bản ban đầu	Phí BH SP Bổ sung		
An Tâm Sức Khỏe								
An Tâm Hưng Thịnh	(1)	51	20	500.000.000	7.570.000		0	11.220.000
BH Bệnh Hiếm Nghèo Trả Trước	(1)	51	20	500.000.000		2.050.000		
BH Tai Nạn Toàn Diện Nâng Cao	(1)	51	20	500.000.000		1.600.000		
			Năm	Nửa năm	Quý			
Phí bảo hiểm cơ bản đóng theo định kỳ			11.220.000	5.610.000	2.805.000			

(*) Phí BH dự kiến và Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến cho năm đầu. Phí BH dự kiến và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa

ở trang "Minh họa phân bổ phí bảo hiểm và quyền lợi"

THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Họ và tên: Product Dummy Agent	Mã số: 158424	Văn phòng của TVTC: PA
--------------------------------	---------------	------------------------

Ngày: 02/01/2013 02:15:17

Version: w1.1.7

Bên mua BH: Họ tên: Đỗ Anh Việt

Chữ ký

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang

TVTC: Họ tên: Product Dummy Agent

Mã số: 158424

Chữ ký

Trang 2/8

158424-201312141517

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



Gắn bó dài lâu.

Các quyền lợi cơ bản của Sản phẩm An Tâm Sức Khỏe

- Quyền lợi bảo hiểm khi Tử vong không do tai nạn hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65 hoặc mắc Bệnh hiểm nghèo theo quy định trước tuổi 65: là giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi 1 trong 3 sự kiện bảo hiểm trên được chi trả.
- Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn trong độ tuổi 5 - 65 tuổi: bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm số tiền nào nhỏ hơn của 1 tỷ hoặc 20% số tiền bảo hiểm của sản phẩm này.
- Quyền lợi đáo hạn: là Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng: Nếu Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ đến thời điểm xem xét, Thưởng duy trì hợp đồng sẽ được tự động cộng thêm vào Giá trị tài khoản bằng một tỷ lệ phần trăm của tổng lãi đã được tích lũy trong thời gian 36 tháng liền trước thời điểm xem xét tương ứng và có tỷ lệ như sau:

Năm hợp đồng	3	6	9	12	15	18	21
Tỷ lệ thưởng duy trì hợp đồng	15%	15%	15%	30%	30%	30%	30%

- Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung. Quyền lợi đầu tư có thể tăng hoặc giảm. Trong mọi trường hợp, mức lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết là 5% trong 10 năm đầu và 3% trong các năm tiếp theo.

Quyền của Bên mua bảo hiểm sản phẩm An Tâm Sức Khỏe

- Quyền rút tiền mặt từ giá trị tài khoản hợp đồng
- Quyền tạm ứng tiền mặt từ giá trị tài khoản hợp đồng
- Quyền tăng, giảm Số tiền bảo hiểm
- Quyền tham gia Phí bảo hiểm đóng thêm

Quyền lợi bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung

- Sản phẩm Bảo hiểm Tai nạn toàn diện Nâng cao
 - Quyền lợi tử vong do tai nạn: 100% Số tiền bảo hiểm
 - Quyền lợi tử vong do tai nạn đặc biệt: 200% Số tiền bảo hiểm.
 - Quyền lợi thương tật do tai nạn: theo bảng tỷ lệ thương tật
 - Quyền lợi bảo hiểm nhận hỗ trợ chi phí nằm viện do tai nạn: 100.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú do chấn thương như quy định

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản SP để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

Ngày: 02/01/2013 02:15:17

Version: w1.1.7

Bên mua BH: Họ tên: Đỗ Anh Việt

Chữ ký

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang

TVTC: Họ tên: Product Dummy Agent

Mã số: 158424

Chữ ký

Trang 3/8

158424-201312141517

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ



Gắn bó dài lâu.

- Chi phí ban đầu sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm theo tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Kể từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm cơ bản	55%	40%	25%	20%	10%	7%	7%	5%	5%	3%
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm đóng thêm	9%	7%	7%	5%	5%	2%	2%	2%	2%	2%

- Chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm.

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	Kể từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ Chi phí khai thác SP bổ sung	40%	20%	15%	15%	10%	2,5%

- Chi phí bảo hiểm rủi ro là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo qui định của hợp đồng bảo hiểm.
 - Mức chi phí bảo hiểm rủi ro được tính dựa trên cơ sở rủi ro tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, theo độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm. Mức chi phí bảo hiểm rủi ro là không đảm bảo và có thể thay đổi sau khi đã thông báo cho Bộ Tài Chính.
 - Chi phí bảo hiểm rủi ro thay đổi theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm và sẽ thay đổi hàng năm.
 - Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm An Tâm Sức Khỏe = Mức chi phí bảo hiểm rủi ro * (Số tiền bảo hiểm - Giá trị tài khoản hợp đồng).

- Chi phí quản lý hợp đồng: là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

Năm dương lịch	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Từ năm 2021 trở đi
Chi phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	25.000	27.000	29.100	31.400	33.900	36.600	39.500	42.600	45.000

- Phí quản lý quỹ: là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ là 2%/năm.
- Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Chi phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm, theo tỉ lệ như sau:

Năm hợp đồng	Từ năm thứ 1 đến 5	6	7	8	9	Kể từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ chi phí	100%	80%	60%	40%	20%	0%

Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ chi phí * Trung bình của phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó

- Chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng: là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ tính chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ % của số tiền rút so với Giá trị tài khoản hợp đồng. Chi phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI

Số tiền bảo hiểm ban đầu: 500.000.000 Phí BH cơ bản ban đầu: 11.220.000

Quyền lợi BH tử vong: là giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng.

Trong trường hợp việc Rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng làm cho Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi rút thấp hơn Số tiền bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng.

Năm HD	Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí BH đóng thêm	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 5% cho 10 năm đầu của HD và 3% cho những năm còn lại					Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư khác						Khoản tiền rút ra
				Chi phí BH rủi ro SP chính	Phí thuần SP Bổ sung	Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản HD	Giá trị hoàn lại (*)	Lãi suất đầu tư tại mức 6%			Lãi suất đầu tư tại mức 8%			
									Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản HD	Giá trị hoàn lại (*)	Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản HD	Giá trị hoàn lại (*)	
1	31	11.220.000		892.800	2.258.400		2.332.500			2.370.000				2.445.300	
2	32	11.220.000		919.700	2.338.600		6.605.700			6.724.800				6.965.400	
3	33	11.220.000		948.000	2.392.800	187.600	12.553.400	1.333.400	226.600	12.853.600	1.633.600	306.200		13.465.600	2.245.600
4	34	11.220.000		983.500	2.487.800		18.846.100	7.626.100		19.362.600	8.142.600			20.426.800	9.206.800
5	35	11.220.000		1.025.100	2.575.200		26.276.600	15.056.600		27.094.900	15.874.900			28.797.800	17.577.800
6	36	11.220.000		1.077.500	2.756.500	607.600	34.938.800	25.962.800	744.000	36.293.900	27.317.900	1.032.900		39.141.300	30.165.300
7	37	11.220.000		1.134.700	2.928.800		43.155.200	36.423.200		45.032.200	38.300.200			49.017.400	42.285.400
8	38	11.220.000		1.198.700	3.082.400		51.679.800	47.191.800		54.197.100	49.709.100			59.596.200	55.108.200
9	39	11.220.000		1.272.200	3.264.100	1.156.000	61.494.700	59.250.700	1.439.200	65.064.600	62.820.600	2.066.600		72.813.800	70.569.800
10	40	11.220.000		1.350.100	3.442.000		70.540.700	70.540.700		75.052.600	75.052.600			84.956.000	84.956.000
11	41	11.220.000		1.437.000	3.595.500		78.223.100	78.223.100		85.409.700	85.409.700			97.864.600	97.864.600
12	42	11.220.000		1.530.500	3.812.500	2.522.500	88.342.900	88.342.900	4.487.500	100.588.800	100.588.800	6.710.100		118.263.300	118.263.300
13	43	11.220.000		1.621.800	4.036.800		95.923.200	95.923.200		111.932.500	111.932.500			133.398.200	133.398.200
14	44	11.220.000		1.725.900	4.319.100		103.338.300	103.338.300		123.623.200	123.623.200			149.480.000	149.480.000
15	45	11.220.000		1.833.600	4.731.100	2.786.400	113.234.100	113.234.100	6.453.300	142.022.900	142.022.900	10.175.700		176.676.500	176.676.500
16	46	11.220.000		1.933.800	4.816.700		120.451.600	120.451.600		155.030.400	155.030.400			195.991.200	195.991.200
17	47	11.220.000		2.048.800	4.930.100		127.653.600	127.653.600		168.705.500	168.705.500			216.876.800	216.876.800
18	48	11.220.000		2.169.000	5.025.700	3.437.100	138.289.300	138.289.300	8.770.800	191.895.200	191.895.200	14.691.200		254.213.800	254.213.800
19	49	11.220.000		2.277.700	5.068.200		145.653.400	145.653.400		207.818.700	207.818.700			280.271.800	280.271.800
20	50	11.220.000		2.416.300	5.116.500		153.048.500	153.048.500		224.720.900	224.720.900			308.699.100	308.699.100

Tổng phí BH dự tính: 224.400.000

Lưu ý:

- Số tiền thể hiện ở cột "Phí Bảo hiểm dự tính" đã bao gồm Phí BH đóng thêm
- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH đóng thêm" được tính toán dựa trên giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết
- Giá trị ở cột "Phí Bảo hiểm rủi ro" minh họa cho Phí BH rủi ro ở mức lãi suất đầu tư cam kết
- Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị tài khoản hợp đồng và chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào Giá trị tài khoản hợp đồng

Khoản tiền rút từ Giá trị tài khoản có thể làm ảnh hưởng đến số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm bổ sung tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).

• Bảng minh họa này dựa trên giả định:

- Phí bảo hiểm trả theo định kỳ hàng năm; Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất, v.v... Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của hợp đồng, khách hàng nên thường xuyên theo dõi hợp đồng bảo hiểm của mình.
- Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ trong thời hạn hợp đồng
- Phí bảo hiểm rủi ro không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc tính chất nghề nghiệp

(* Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận giá trị hoàn lại khi hợp đồng có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại trên đây được minh họa vào cuối mỗi năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại sẽ thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất thực tế của Quỹ Liên kết chung.... Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về giá trị hoàn lại trong Quy tắc, điều khoản hợp đồng.

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Năm HD	Tổng Phí bảo hiểm hàng năm	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm chính	Phí thuần Sản phẩm bổ sung	Phí bảo hiểm phân bổ Sản phẩm chính	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sau khi trừ Chi phí khai thác	Quyền lợi đảm bảo			Quyền lợi không đảm bảo
							Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính	Tổng số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung	Giá trị tài khoản HD tại mức lãi suất đầu tư đảm bảo	Giá trị tài khoản HD tại mức lãi suất đầu tư 8%
1	11.220.000	300.000	892.800	2.258.400	3.406.500	2.190.000	500.000.000	1.000.000.000	2.332.500	2.445.300
2	11.220.000	324.000	919.700	2.338.600	4.542.000	2.920.000	500.000.000	1.000.000.000	6.605.700	6.965.400
3	11.220.000	349.200	948.000	2.392.800	5.677.500	3.102.500	500.000.000	1.000.000.000	12.553.400	13.465.600
4	11.220.000	376.800	983.500	2.487.800	6.056.000	3.102.500	500.000.000	1.000.000.000	18.846.100	20.426.800
5	11.220.000	406.800	1.025.100	2.575.200	6.813.000	3.285.000	500.000.000	1.000.000.000	26.276.600	28.797.800
6	11.220.000	439.200	1.077.500	2.756.500	7.040.100	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	34.938.800	39.141.300
7	11.220.000	474.000	1.134.700	2.928.800	7.040.100	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	43.155.200	49.017.400
8	11.220.000	511.200	1.198.700	3.082.400	7.191.500	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	51.679.800	59.596.200
9	11.220.000	540.000	1.272.200	3.264.100	7.191.500	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	61.494.700	72.813.800
10	11.220.000	540.000	1.350.100	3.442.000	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	70.540.700	84.956.000
11	11.220.000	540.000	1.437.000	3.595.500	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	78.223.100	97.864.600
12	11.220.000	540.000	1.530.500	3.812.500	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	88.342.900	118.263.300
13	11.220.000	540.000	1.621.800	4.036.800	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	95.923.200	133.398.200
14	11.220.000	540.000	1.725.900	4.319.100	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	103.338.300	149.480.000
15	11.220.000	540.000	1.833.600	4.731.100	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	113.234.100	176.676.500
16	11.220.000	540.000	1.933.800	4.816.700	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	120.451.600	195.991.200
17	11.220.000	540.000	2.048.800	4.930.100	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	127.653.600	216.876.800
18	11.220.000	540.000	2.169.000	5.025.700	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	138.289.300	254.213.800
19	11.220.000	540.000	2.277.700	5.068.200	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	145.653.400	280.271.800
20	11.220.000	540.000	2.416.300	5.116.500	7.342.900	3.558.800	500.000.000	1.000.000.000	153.048.500	308.699.100
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										
30										
31										
32										
33										
34										
35										
36										
37										
38										
39										
40										
41										
42										
43										
44										
45										
46										
47										
48										
49										
50										

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Trong mỗi năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản.
- Các giá trị trong Bảng minh họa này là không cam kết, ngoại trừ Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu.
- Các loại Chi phí trong hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa và phải được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung sẽ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm chính và có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng của hợp đồng bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ nhằm mục đích minh họa và không phải là một phần của hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- 1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này.
- 2- Tôi đã hiểu rõ rằng:
- Bảng minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các giá trị tài khoản hợp đồng và giá trị hoàn lại của hợp đồng.
 - Giá trị tài khoản của hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở bảng minh họa này
 - Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 3 năm hợp đồng bảo hiểm đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có).
- 3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm.
- 4- Tôi đồng ý tham gia Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung và phải đọc kỹ nội dung Qui tắc Điều khoản hợp đồng ngay khi hợp đồng được phát hành.

Họ và tên của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký của Bên mua Bảo hiểm

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn tài chính mã số 158424, ký tên dưới đây cam kết đã giải thích đầy đủ và tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về nội dung của Bảng minh họa này

Họ và tên của Tư vấn tài chính

Chữ ký của Tư vấn tài chính

Ngày/tháng/năm

Ngày: 02/01/2013 02:15:18

Version: w1.1.7

Bên mua BH: Họ tên: Đỗ Anh Việt

Chữ ký

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang

TVTC: Họ tên: Product Dummy Agent

Mã số: 158424

Chữ ký

Trang 8/8

158424-201312141517